TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1**. Ông Hà Công Trường.

2. Ông Nguyễn Xuân Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-DS ngày 10/4/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Mai Thị T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đức V, sinh năm 1996.

Địa chỉ: thôn C, xã M, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt chị T và anh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2023 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Chị Mai Thị T và anh Trần Đức V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có thời gian tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống và có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại UBND xã L, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến ngày 03/10/2021 mâu thuẫn phát sinh.

Nguyên nhân là do tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn thì anh V lại đánh chị. Tháng 12/2022 chị đã làm đơn xin ly hôn gửi Toà án, quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã phân tích hoà giải, chị đã cho anh V cơ hội nên đã rút đơn đề nghị Toà án đình chỉ vụ án. Sau khi quay về chung sống không được bao lâu thì anh V lại tiếp tục đánh chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn anh Trần Đức V.

- *Về con chung:* Chị Mai Thị T và anh Trần Đức V có 1 con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 31/7/2021. Ly hôn chị có nguyện xin được nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và nợ chung:*Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V. Về con chung chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 09/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Đức V trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Đức V và chị Mai Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ngày 01/6/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2022 mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân do kinh tế chưa được ổn định, trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm, đã nhiều lần vợ chồng xảy ra cãi nhau, có lần do anh không kiềm chế được nên đã đánh chị T. Mỗi lần vợ chồng cãi nhau thì chị T lại bỏ về ngoại ở, bố mẹ đẻ chị T lại dung túng, không muốn cho chị T quay về chung sống cùng anh. Anh đã rất nhiều lần đến nhà bố mẹ vợ để gặp chị T nói chuyện nhưng chị T không cho gặp. Lần gần đây nhất là tháng 02/2023, anh cùng gia đình đến gặp bố mẹ chị T nói chuyện cho vợ chồng quay về cùng nhau nuôi dạy con nhưng bố mẹ chị T cũng như chị T không đồng ý quay về. Anh và chị T sống ly thân từ tháng 02/2023. Nay anh xác định tình cảm anh dành cho chị T vẫn còn nên anh xin được đoàn tụ.

- *Về con chung:* Anh V và chị T có 1 con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 31/7/2021, hiện nay con đang ở với anh. Nguyện vọng của anh là muốn được nuôi con, tuy nhiên con đang còn nhỏ nên anh đồng ý để chị T nuôi con, anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

- *Về tài sản và nợ chung:*Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 07 tháng 4 năm 2023 bà Hà Thị Thảo – Công chức Tư pháp hộ tịch xã M, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa cho biết: Anh Trần Đức V có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa kết hôn với chị Mai Thị T trú tại xã T, huyện Nông Cống,

tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại xã M, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị T bỏ về ngoại ở. Sau khi chị T về ngoại ở, được gia đình giàn xếp thì chị T lại quay về chung sống cùng anh V tại xã M, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống anh, chị lại phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị không tin tưởng tình cảm dành cho nhau. Từ việc mâu thuẫn của vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn giữa 2 bên thông gia. Hiện nay chị T đã đưa con về ngoại ở xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa sinh sống, thi thoảng thấy anh V có đón con về chơi.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơthẩm:

**** Về tốtụng:***

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dânsự.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dânsự.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

**** Về nộidung:***

+ Về đường lối giải quyết vụán:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho chị Mai Thị T được ly hôn anh Trần Đức V.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 31/7/2021, hiện con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, nguyện vọng của chị T là được nuôi con, anh V có nguyện vọng nuôi con, tuy nhiên do con còn nhỏ nên anh đồng ý giao con cho chị T. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu chia tài sản chung, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a

khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốchội.

Chị Mai Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Mai Thị T khởi kiện xin được ly hôn anh Trần Đức V có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Trần Đức V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng; vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm thường xảy ra cãi nhau, đã có lần do không kiềm chế được nên anh V đã đánh chị T. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Khi mâu thuẫn xảy ra không tìm cách giải quyết mà mỗi người một nơi. Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn. Về phía anh V cũng đã tìm mọi cách để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng không được chị T chấp nhận. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là kết hôn với nhau hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh V có 1 con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 31/7/2021. Chị T có nguyện xin được nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng. Về phía anh V đồng ý để chị T nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Vì vậy cần giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡnglà phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, do chị T không yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Mai Thị T và anh Trần Đức V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị T xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 118của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Mai Thị T được ly hôn anh Trần Đức V.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 31/7/2021 cho chị Mai Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Đức V có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Mai Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2021/0007225 ngày 02/3/2023, chấp nhận chị T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị T và anh V. Chị T và anh V được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã L, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Võ Kỳ Anh